

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TPTN**  
**Tỉnh Thái Nguyên**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 28 /7/2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Hà

*Các Hội thẩm nhân dân :* 1. Ông Phạm Lành  
2. Nguyễn Thị Kim Thu

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Vũ Hoàng Yên - Thư ký Tòa án nhân dân TP Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên:* Không tham gia.

Ngày 28/7/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử công khai sơ thẩm theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 1037/2020/TLST- HNGĐ ngày 28/ 12/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/ 2021/QĐXX -ST ngày 03 /6 /2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị A, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Xóm K, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa )

Bị đơn: Anh Lương Văn H, sinh năm 1992;

ĐKKHKT: Xóm G, xã T, thành phố T.N, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang cải tạo tại Trại giam Phú Sơn 4, Cục 10 - Bộ Công an.

( Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn bà Bùi Thị A trình bày:**

Chị kết hôn với anh Lương Văn H năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có được đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố T.N Thái Nguyên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất hòa do không cùng quan điểm sống, anh H không có trách nhiệm với vợ con, mắc tệ nạn xã hội nghiện ma túy, từ tháng 4/ 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau, tháng 7/2020 anh H bị bắt do tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện nay đang bị đi tập trung cải tạo tại Trại giam Phú Sơn 4, Cục

10 - Bộ Công an. Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị A vẫn xác định không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với anh H để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lương Yến V, sinh ngày 05/7/2013. Khi ly hôn chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/01/2021, bị đơn là anh Lương Văn H trình bày: Anh kết hôn với chị Bùi Thị A năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có được đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố T.N, tỉnh Thái Nguyên, Quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn do anh bị mắc tên nạn xã hội nghiện ma túy và hiện nay đang bị đi tập trung cải tạo tại Trại giam Phú Sơn 4 do phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Nay anh H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh nhất trí ly hôn chị A để giải phóng cho nhau.

Vợ chồng có 01 con chung là Lương Yến V, sinh ngày 05/7/2013. Khi ly hôn anh H nhất trí để chị A được người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung của vụ án nhưng anh H không tham gia hòa giải, Tòa án đã lập biên bản không hòa giải được và đưa vụ kiện ra xét xử tại phiên tòa công khai ngày hôm nay.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

### **Hội đồng xét xử nhận định:**

#### **Về tố tụng:**

- Về thẩm quyền: Anh Lương Văn H có nơi cư trú tại xóm G, xã T, thành phố T.N, tỉnh Thái Nguyên như vậy theo quy định tại Điều 28, 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Anh Lương Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **Về nội dung:**

Chị Bùi Thị A và anh Lương Văn H kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và được đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố T.N, tỉnh Thái Nguyên nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn: Chị A trình bày mâu thuẫn phát sinh do không cùng quan điểm sống, anh H không có trách nhiệm với vợ con, mắc tệ nạn xã hội nghiện ma túy, hiện nay đang bị đi tập trung cải tạo do phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Tại phiên toà hôm nay, chị A vẫn xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin được ly hôn để giải phóng cho nhau. Anh Lương Văn H nhất trí ly hôn để giải phóng cho nhau.

HĐXX thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị Bùi Thị A và anh Lương Văn H đã trầm trọng, quan hệ hôn nhân giữa các đương sự đã thực sự tan vỡ, hai vợ chồng đã sống ly thân nhau, việc duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Anh, cho chị Bùi Thị A được ly hôn anh Lương Văn H là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung:

Vợ chồng có 01 con chung là Lương Yến V, sinh ngày 05/7/2013. Khi ly hôn anh H nhất trí để chị A được người trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“ 1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; Trường hợp không thoả thuận được thì Toà án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay anh H đang phải đi tập trung cải tạo do phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy nên không có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Hiện nay chị A đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nguyện vọng của con chung cũng muốn ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Xét về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì chị A có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung, tránh việc xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt của con chung nên cần chấp nhận yêu cầu của chị A, giao cho chị A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Về tài sản chung, về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Về án phí: Căn cứ Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc chị Anh phải nộp 300.000đ án phí LHST vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, 147, 227, 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016 /NQ - UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị A.

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Bùi Thị A được ly hôn anh Lương Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục con chung là Lương Yến V, sinh ngày 05/7/2013 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Về tài sản chung, về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Về án phí: Chị A phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0003932 ngày 28 /12 /2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, chị A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án/.

### **NOI NHẬN**

- VKSND TPTN
- TAND tỉnh TN
- Chi cục THATPTN;
- UBND xã Tân Cương, TP TN.
- Đ- ơng sự
- L- u HS; BP

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Thu Hà**





